

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2017/DS-ST**
Ngày: 18/7/2017
“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về hụi, họ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Danh Đảnh**
2. Bà **Trần Thanh Đạm**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Hứa Quốc Cường** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2016/TLST-DS Ngày 20 tháng 4 năm 2017: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi, họ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **B** – sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: 1. Bà **H (Lê Mỹ H)** – sinh năm 1962 (có mặt)

2. Ông **T** - sinh năm: 1953 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản hòa giải nguyên đơn bà B trình bày: Bà H làm chủ dây hụi góp vốn để phát triển kinh tế gia đình, Tháng 11/2014 bà B có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, tham gia 02 dây hụi như sau:

- Dây 01: Bà B tham gia 02 phần, mỗi phần 2.000.000 đ/tháng có 14 phần đã hốt mỗi lần hốt như vậy bà B đóng 1.400.000 đồng x 2 x 14 = 39.200.000 đồng (*ba mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng*).

- Dây 02: Bà B tham gia 01 phần, mỗi phần 2.000.000 đ/tháng có 06 phần đã

hót mỗi lần hót như vậy bà B đóng 1.400.000 đồng x 6 = 8.400.000 đồng (*tám triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Tổng cộng là 47.600.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng*). Do tham gia chơi hụi theo tập quán, đến ngày bà H đến gom hụi thì đưa chứ không có biên nhận gì, trong trường hợp bà H không thừa nhận thì bà sẽ cung cấp thông tin của những người làm chứng là hụi viên chơi hụi với bà. Hiện nay các dây hụi này đều đã mãn nhưng bà H giả vờ bề hụi bỏ trốn 2 ngày rồi trở về làm ăn bình thường nhưng không trả tiền cho bà B.

Sau khi bề hụi thì bà H có trả cho bà B tổng cộng được 1.500.000 đồng. Một lần 1.000.000 đồng và một lần 500.000 đồng. Nhưng sau đó thì không có trả nữa cho đến nay. Việc giao nhận tiền không có chứng cứ giấy tờ gì, cũng không có ai nhìn thấy.

Nay bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông T phải trả lại cho bà số tiền hụi còn nợ là **46.100.000** đồng vì chồng bà H là ông T có đi gom hụi giùm cho bà H nhiều lần nên phải cùng liên đới trả nợ.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 08/5/2017 bị đơn bà H trình bày: Vào năm 2000 bà H có làm chủ hụi và bà B đã bắt đầu chơi hụi từ vào năm 2010 cho đến năm 2014. Nhưng vào năm 2015 bà H bị bề hụi do một số chị em chơi hụi hót xong rồi bỏ xứ đi và không đóng hụi chết lại cho bà. Trong đó bà B có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ tổng cộng là 03 chân hụi, 01 dây hụi 02 chân và 01 dây hụi 01 chân. Tổng số hụi viên là 19 người, các dây hụi này cho đến nay đều đã mãn. Bà H thừa nhận là còn nợ bà B số tiền hụi theo như bà B trình bày là **47.600.000** đồng. Sau khi bề hụi bà H có trả cho bà B số tiền tổng cộng là 2.000.000 đồng. Một lần 1.000.000 đồng và hai lần 500.000 đồng. Việc giao nhận tiền không có chứng cứ giấy tờ gì, cũng không có ai nhìn thấy. Việc bà B trình bày bà H bỏ trốn đi 02 ngày là không có.

Về cách trả nợ: Bà H xin trả mỗi tháng 100.000 đồng cho đến khi hết nợ. Vì hiện tại bà H còn thiếu nợ nhiều người nên không có khả năng trả nhiều hơn.

Sau khi bề hụi bà B khai rằng bà H đã trả cho bà được 1.500.000 đồng; bà H thì khai đã trả bà B 2.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền cả hai bên đều xác nhận không có người làm chứng cũng không có giấy tờ gì. Tại phiên tòa bà B thống nhất như bà H trình bày đã trả 2.000.000 đồng. Vậy bà B yêu cầu bà H trả 45.600.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời ngày 09/5/2017 của ông T là chồng bà H đã trình bày: Bà H có kêu ông T đến nhà bà B gom tiền hụi một hai lần gì đó, bà H kêu đi thì đi chứ ông không biết gì, ông cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử đã tiến hành hòa giải, động viên nhưng các bên đương sự vẫn không thỏa thuận được cách trả nợ nên vụ kiện được đưa ra xét xử theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[Về tố tụng: Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.]

[Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện tranh chấp nợ phát sinh từ hui (họ), nên khi có tranh chấp thì áp dụng Bộ luật dân sự giải quyết.]

[Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự về hui (họ), trong đó bà H là chủ hui, bà B là hui viên. Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ, đóng tiền hui đầy đủ cho bị đơn nhưng khi bị đơn cho rằng bị bể hui không gom tiền hui của bà B nữa thì bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại khoản tiền mà bà B đã đóng.

Tại phiên tòa, bị đơn đã thừa nhận còn nợ tiền hui của nguyên đơn là 45.600.000 đồng. Do đó, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 45.600.000 đồng là phù hợp với Điều 471 Bộ luật Dân sự quy định như sau:

“1. Họ, hui, biên, phường (sau đây gọi chung là họ) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên...”

Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn, xét yêu cầu này phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà H xin trả chậm mỗi tháng 100.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở xem xét, bởi lẽ phía nguyên đơn không đồng ý và Bộ luật dân sự cũng không quy định thời gian trả chậm nếu các đương sự không có thỏa thuận. Phương thức thanh toán nợ như thế nào thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2017 ông T trình bày Bà H có kêu ông T đến nhà bà B gom tiền hui một hai lần gì đó chứng minh việc bà H chơi hui thì ông cũng biết, bà H khai tiền kiếm được từ việc chơi hui dùng vào mục đích sinh hoạt trong gia đình nên theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà H.

Bà H cho rằng ông T có nhận thức chậm hơn người bình thường, sự việc này mới xảy ra một thời gian (trước đây bình thường) nên yêu cầu không buộc ông T có

trách nhiệm trả nợ nhưng bà H không yêu cầu Tòa án đưa ông T đi giám định, đồng thời trong quá trình chuẩn bị xét xử ông T làm việc bình thường với cán bộ Tòa án. Do đó ông T có trách nhiệm liên đới với bà H trả nợ là phù hợp.

Về án phí: Bà H và ông T bị buộc trả số tiền 45.600.000 đồng nên phải chịu án phí là: $45.600.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.280.000 \text{ đồng}$ nhưng ông bà có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên hội đồng xét xử xem xét giảm 1.000.000 đồng án phí, ông bà còn phải chịu 1.280.000 đồng án phí DSST.

Bà B khởi kiện được chấp nhận nên nhận lại án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B. Xử buộc: Bà H (Lê Mỹ H) và ông T có nghĩa vụ trả tiền nợ hội 45.600.000 đ (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng) cho bà B.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả tiền thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà H và ông T phải nộp án phí DSST là 1.280.000 đồng. Bà B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.190.000 đồng theo lai thu số 0001610 ngày 20/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3/ Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2017). Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Thi Hành Án DS h.K;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Minh